

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **34/2018/KDTM.ST**

Ngày: 31/10/2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn

Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2018/TLST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX-ST ngày 14/9/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 299/2018/QĐST.HPT ngày 12/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2

Địa chỉ: 45A đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn L – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hồ T – Sinh năm 1977

Địa chỉ liên lạc: 45A đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên P

Địa chỉ: B20, KP1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đình T

Địa chỉ: B20, KP1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa – Nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 (Do ông Đỗ Hồ T đại diện theo ủy quyền trình bày):

Theo hợp đồng mua bán sản phẩm đá xây dựng số 03/8/HĐMB ngày 01/8/2017 thể hiện Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 có ký hợp đồng bán đá xây dựng cho Công ty TNHH một thành viên P (Công ty P). Theo đó Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 bán sản phẩm đá xây dựng cho Công ty P gồm các loại đá 1 x 2 lưới 25 – 27, đá 0x 4 loại 1 và đá mi bụi, khối lượng tạm tính các loại đá khoảng 12.000 tấn, đơn giá 1 x 2 là 207.900đ/ 1 tấn, đá 0x 4 loại 1 là 145.200đ/tấn và đá mi bụi là 129.800đ/tấn. Thành tiền tạm tính là 1.789.700.000đ. Khối lượng thực tế theo các lần giao nhận và được hai bên ký xác nhận. Giá bán trên là giá tại thời điểm ký hợp đồng. Giá bán có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm theo từng thời điểm thị trường, khi có phát sinh tăng hoặc giảm giá so với giá ghi trên. Trên thực tế tính từ ngày 31/7/2017 đến ngày 28/9/2017 Công ty P đã chuyển tiền ứng và trả cho Công ty 3-2 số tiền 960.056.412đ. Từ ngày 16/8/2017 đến ngày 30/9/2017 Công ty P đã lấy tổng số đá các loại tương ứng với số tiền 1.116.404.538đ. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2017 hai Công ty đã ký xác nhận hiện Công ty P còn nợ Công ty 3-2 số tiền 156.348.126đ. Ngày 03/4/2018 Công ty P có trả 26.348.126đ, ngày 17/4/2018 trả 25.000.000đ, ngày 21/5/2018 trả 25.000.000đ. Đến nay Công ty P còn nợ số tiền là 80.000.000đ. Công ty 3-2 đã nhiều lần có công văn yêu cầu Công ty P thanh toán nợ quá hạn nhưng Công ty P vẫn không thanh toán.

Do đó Công ty 3-2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty 3-2 số tiền 80.000.000đ và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/10/2018 là 12.681.934đ. Tổng cộng là 92.681.934đ.

Bị đơn Công ty P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không có bản tự khai và không cung cấp chứng cứ.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 92.681.934đ cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH Một thành viên P; nhưng đại diện Công ty TNHH Một thành viên P vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Một thành viên P theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Do bị đơn Công ty TNHH Một thành viên P đã được triệu tập hợp lệ rất nhiều lần, nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, không có bản tự khai, cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[4] Giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 (Công ty 3-2) và Công ty TNHH Một thành viên P (Công ty P) ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa sản phẩm đá xây dựng số 03/8/HĐMB ngày 01/8/2017, theo đó Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 bán đá xây dựng cho Công ty TNHH một thành viên P (Công ty P) gồm các loại đá 1 x 2 lưới 25 – 27, đá 0x 4 loại 1 và đá mi bụi, khối lượng tạm tính các loại đá khoảng 12.000 tấn, đơn giá 1 x 2 là 207.900đ/ 1 tấn, đá 0x 4 loại 1 là 145.200đ/tấn và đá mi bụi là 129.800đ/tấn. Thành tiền tạm tính là 1.789.700.000đ. Khối lượng thực tế theo các lần giao nhận và được hai bên ký xác nhận. Giá bán trên là giá tại thời điểm ký hợp đồng. Giá bán có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm theo từng thời điểm thị trường, khi có phát sinh tăng hoặc giảm giá so với giá ghi trên.

[5] Từ ngày 16/8/2017 đến ngày 30/9/2017 Công ty P đã lấy tổng số đá các loại tương ứng với số tiền 1.116.404.538đ. Từ ngày 31/7/2017 đến ngày 28/9/2017 Công ty P đã chuyển tiền ứng và trả cho Công ty 3-2 số tiền 960.056.412đ. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2017 giữa Công ty 3-2 và Công ty P đã ký xác nhận thể hiện Công ty P còn nợ Công ty 3-2 số tiền

156.348.126đ. Ngày 03/4/2018 Công ty P trả 26.348.126đ, ngày 17/4/2018 trả 25.000.000đ, ngày 21/5/2018 trả 25.000.000đ. Số tiền còn nợ lại là 80.000.000đ Công ty 3-2 đã nhiều lần có công văn yêu cầu Công ty P thanh toán nhưng Công ty P vẫn không thanh toán. Do đó Công ty 3-2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty 3-2 số tiền 80.000.000đ và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/10/2018 là 12.681.934đ. Tổng cộng là 92.681.934đ là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên P phải chịu 4.634.096đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.00đ (Ba triệu đồng) tại biên lai số 007906 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 số tiền là 80.000.000đ và tiền lãi do chậm thanh toán là 12.681.934đ. Tổng cộng là 92.681.934đ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi một ngàn, chín trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên P phải chịu 4.634.096đ (Bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn không trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.00đ (Ba triệu đồng) tại biên lai số 007906 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 3-2, Công ty TNHH Một thành viên P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Biên Hòa (2)
- THA Dân sự (2)
- Dương sự (14)
- Lưu (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tuyền